

# NHÌN LẠI SỰ ĐỔI MỚI CỦA TÍN DỤNG NGÂN HÀNG Ở NƯỚC TA

**Đỗ Xuân Trường\***

Tín dụng ngân hàng là việc tập trung huy động vốn tạm thời nhàn rỗi trong nền kinh tế để cho vay lại các doanh nghiệp và tổ chức kinh tế trên nguyên tắc có hoàn trả. Từ những năm trước đây, nhất là từ năm 1988 trở về trước nền kinh tế nước ta còn ở thời kỳ bao cấp có nhiều khó khăn phải đối mặt với nạn đầu cơ, tăng giá do hàng hóa nước ngoài tràn ngập với nhiều chủng loại, mẫu mã phong phú, làm cho sản xuất trong nước không phát triển được, nhiều doanh nghiệp (DN) Nhà nước thua lỗ nghiêm trọng phải sắp xếp lại hoặc giải thể, phá sản. Đối với sản xuất nông nghiệp trong tình trạng phân tán lạc hậu, năng suất lao động thấp.

Các ngân hàng cho vay luôn trong tình trạng thiếu vốn, thiếu tiền mặt, huy động vốn không đủ để cho vay, cung ứng vốn cho nền kinh tế đã rơi vào tình trạng bao cấp tràn lan, tín dụng cấp phát thay cho ngân sách, cho vay không thu hồi được vốn, không những thế lại phải tiếp tục bơm tiền ra lưu thông và không có con đường nào khác thêm vào đó là những tiêu cực phát sinh như thái độ cửa quyền, hách dịch của cán bộ tín dụng, nhiều vụ nổi cộm trong ngành ngân hàng như vụ án ép cô Minh Phụng đã thất thoát hàng ngàn tỷ đồng, nhiều cán bộ ngân hàng phải vào tù đó



*Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Ngân hàng Thế giới ký kết Hiệp định Tín dụng Phát triển và các văn kiện Pháp lý liên quan...*

là những bài học kinh nghiệm. Hậu quả là, vốn bị ứ đọng không quay vòng, nợ quá hạn phát sinh không có khả năng trả nợ ngân hàng, công nợ trong thanh toán ngày càng tăng lên, tệ nạn xã hội như cờ bạc gia tăng, Tín dụng ngân hàng có những thời điểm trở thành vòng xoáy của những cơn lốc hội họa, số đề. Đối với nền kinh tế giá cả tăng lên, tiền tệ mất giá không ổn định và lạm phát kéo dài, đời sống của đại bộ phận các tầng lớp dân cư trong xã hội gặp nhiều khó khăn nhất là đối với những người làm công ăn lương.

Nền kinh tế nước ta từng bước chuyển động sang cơ chế thị trường. *Tín dụng ngân hàng là công cụ thúc đẩy tăng trưởng kinh tế*, góp phần tạo bước chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Các ngân

hàng phải tự lo huy động vốn và cho vay nên mọi hoạt động đều phải có sự tính toán, cân nhắc. Tuy nhiên, do chưa có kinh nghiệm và với mục tiêu chạy theo lợi nhuận nên phần lớn các ngân hàng cho vay ồ ạt, thiếu kiểm tra nên xảy ra tình trạng cạnh tranh không lành mạnh, nợ quá hạn tăng cao. Việc xử lý tài sản thế chấp gặp khó khăn không có đủ cơ sở pháp lý, có những tài sản phát mại nhiều lần nhưng vẫn không bán được có trường hợp con nợ bỏ trốn, mất tích đi tù dẫn đến nợ quá hạn trong các ngân hàng bị tổn động ngân hàng không có vốn để quay vòng.

Cùng với những biến đổi của cơ chế thị trường, cơ chế tín dụng đã dần dần từng bước được cải tiến theo hướng thông thoáng và *Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (\*)*

bình đẳng giữa ngân hàng và khách hàng có lợi cho cả đôi bên. Trước hết là về mặt pháp lý được quy định khá chặt chẽ trong Luật các tổ chức tín dụng (TCTD) về quyền về nghĩa vụ của người đi vay và người cho vay. Đối với các TCTD với phương châm hoạt động: Sự thành đạt của khách hàng là phương châm hoạt động của ngân hàng. Ngân hàng Nhà nước (NHNN) đã giao quyền tự chủ tự chịu trách nhiệm cho các TCTD, không một cá nhân nào có thể can thiệp trái pháp luật vào hoạt động hoặc bắt các TCTD phải cho vay khách hàng. Trước đây, khách hàng phải tìm đến ngân hàng và cán bộ ngân hàng tỏ ra cửa quyền, hách dịch, nhưng giờ đây thì tình thế lại đảo ngược ngân hàng phải tìm đến khách hàng coi khách hàng là “thượng đế”. Những cuộc tiếp xúc của Thủ tướng Chính phủ với các DN theo định kỳ hàng năm hầu như không còn tiếng kêu ca về những thủ tục phiền hà của ngân hàng nữa.

Cơ chế lãi suất từng bước thay đổi, từ việc điều hành mang tính áp đặt, nay NHNN chỉ điều hành lãi suất cơ bản và giao quyền cho các TCTD tự điều chỉnh lãi suất theo quan hệ cung cầu vốn trên thị trường. Mức lãi suất được tính toán chặt chẽ giữa đầu vào và đầu ra, và không còn bao cấp qua tín dụng. Kinh tế phát triển, các ngân hàng mở ra hoạt động nhiều với các điểm giao dịch để huy động vốn và cho vay, nên khách hàng có quyền lựa chọn ngân hàng để mở tài khoản vay vốn hoặc làm các dịch vụ thanh toán khác. Để nâng cao năng lực kinh doanh bản thân mỗi ngân hàng

đã không ngừng nâng cao trình độ giao dịch tiếp thị với khách hàng, thay đổi phương thức phục vụ với phương châm “vui lòng khách đến, vừa lòng khách đi”, tiến hành phân loại khách hàng, để đầu tư vào những khách hàng truyền thống, có tín nhiệm, kiên quyết không cho vay những DN làm ăn thua lỗ. Đối với những DN có nợ quá hạn do khó khăn về tài chính thì ngân hàng tập trung thu hồi nợ.

Với phương châm đi vay để cho vay, các Ngân hàng Thương mại (NHTM) đã luôn luôn chú trọng việc mở rộng mạng lưới bán lẻ để huy động vốn trong các tầng lớp dân cư nhằm đáp ứng mọi nhu cầu vay vốn ngày càng tăng lên của nền kinh tế. Thị trường tài chính, tiền tệ ở nông thôn ngày càng được mở rộng nhất là ở những vùng kinh tế hàng hóa phát triển. Các TCTD cạnh tranh nhau lành mạnh để huy động vốn, không có hiện tượng giành giật khách hàng của nhau. Phương thức đầu tư tín dụng đã cải tiến về nguyên tắc, thủ tục giấy tờ theo hướng giảm phiền hà cho khách hàng và tạo sự bình đẳng giữa ngân hàng và khách hàng, hai bên cùng tạo lập chữ tín. Theo số liệu thống kê: nếu năm 2003 toàn hệ thống ngân hàng huy động vốn là 350.000 tỷ đồng, thì năm 2004 là 450.000 tỷ đồng và năm 2005 tăng 23,11% so với năm 2004. Về dư nợ cho vay nếu năm 2003 là 300.000 tỷ đồng thì đến năm 2004 là 450.000 tỷ đồng tăng 41,65%; năm 2005 tăng 19% so với năm 2004: dư nợ cho vay tăng chậm là do các tổ chức tín dụng tăng cường kiểm soát tăng

trường tín dụng phù hợp với khả năng huy động vốn năm 2004 tỷ lệ nợ xấu là 2,85 % giảm 4,74% so với năm 2003. Việc cho vay của các TCTD có sự tính toán, thẩm định khá chặt chẽ, lựa chọn khách hàng, không cho vay ô ạt như những năm trước đây. Đặc biệt là có hồ sơ theo dõi của từng DN có số dư nợ vay ngân hàng lớn như: dư nợ vay ngoại tệ từ 5 triệu USD trở lên, Số doanh nghiệp dư nợ vay lớn hơn 5 % vốn tự có tại nhiều tổ chức tín dụng, DN có quan hệ với nhiều tổ chức tín dụng, DN thông báo ngừng hoạt động trên địa bàn Hà Nội. Nhờ nâng cao chất lượng tín dụng nên đã kiềm chế và đẩy lùi tốc độ lạm phát nếu năm 1995 lạm phát là 12,7% thì đến năm 2002 còn 4,5%, năm 2003 là 3,5% và đến nay, tiền tệ đã được ổn định.

Thị trường hàng hóa, tiền tệ khu vực thành thị, hoạt động sôi động hơn, do mạng lưới bán lẻ của các ngân hàng ngày càng được mở rộng với đầy đủ các loại hình ngân hàng hoạt động như các NHTM Nhà nước; ngân hàng cổ phần, ngân hàng liên doanh, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam. Điển hình như trên mỗi phố có rất nhiều điểm giao dịch của các NHTM hoạt động như phố Láng Hạ, đường Nguyễn Trãi (Hà Nội) mỗi phố có đến 8 ngân hàng hoạt động. Nhờ có chính sách đầu tư tín dụng đúng hướng nên cơ cấu kinh tế tính theo GDP đã có bước chuyển dịch đáng kể khu vực nông lâm, thủy sản dịch vụ có xu hướng giảm, công nghiệp, dịch vụ tăng dần. Năm 2003, tỷ trọng công nghiệp và xây dựng trong GDP

đạt 38,23%, dịch vụ 37,8%, nông lâm thủy sản 21,8%, thì đến năm 2004, tỷ trọng này 40,09%; 38,15% và 21,76%. Năm 2005, dư nợ tín dụng phân theo vùng kinh tế thì vùng Đồng Bằng Sông Hồng chiếm tỷ trọng 30,37%, vùng Đông Nam bộ 42,43%, vùng duyên hải miền Trung 7,32%, vùng Tây Nguyên 4,68%, vùng Bắc Trung bộ 3,33%, vùng Đồng Bằng Sông Cửu Long 6,82%, vùng Tây Bắc 0,72%, vùng Đông Bắc 0,72%. Nhu cầu vốn cho nền kinh tế tăng mạnh, trong khi TTCK Việt Nam vẫn chưa thực sự phát triển, các TCTD vẫn là kênh dẫn vốn chủ yếu cho nền kinh tế. Thị trường đầu tư vốn tín dụng ngày càng được mở rộng với đầy đủ các loại hình kinh tế như các DN vừa và nhỏ, các DN có vốn đầu tư nước ngoài, các DN trong các khu công nghiệp, khu chế xuất. Một số TCTD tiếp tục giải ngân các dự án lớn đã ký kết như nhà máy đạm Phú Mỹ, dự án nhà máy thép tại TP. Hồ Chí Minh, dự án dầu khí... với hơn 160 các khu công nghiệp, cụm công nghiệp trong cả nước phát triển mạnh đều có vốn ngân hàng đầu tư cho vay. Cơ cấu nông lâm thủy sản chuyển dịch theo hướng tích cực tăng tỷ trọng của ngành thủy sản đi đôi với giảm tỷ trọng của ngành nông lâm nghiệp.

Do áp dụng cơ chế lãi suất cho vay tương đối ổn định nên đã kích thích, thu hút được các nhà đầu tư, các TCTD đã tích cực mở rộng tín dụng đi đôi với nâng cao chất lượng tín dụng, cơ cấu tín dụng đã có bước chuyển biến tích cực, đã hạn chế trong việc

tăng dư nợ đối với các dự án xét thấy hiệu quả thấp, không có khả năng trả nợ, chuyển hướng đầu tư theo hướng tăng tỷ trọng cho vay vốn đối với các DN ngoài quốc doanh, hộ kinh doanh.

Huy động vốn và sử dụng nguồn vốn có hiệu quả vẫn là mục tiêu lâu dài có tính chiến lược của tín dụng ngân hàng. Năm 2005, nguồn vốn huy động trong dân tăng mạnh làm cho tiền mặt trong lưu thông giảm từ 23,1% thời điểm tháng 12/2004 xuống còn 20,7% cuối năm 2005. Nguyên nhân là các NHTM đa dạng hóa các hình thức huy động vốn, bên cạnh đó thị trường bất động sản trầm lắng nên có một lượng tiền nhàn rỗi không nhỏ được gửi vào ngân hàng, một đặc điểm nữa là nguồn tiền gửi của các DN giảm rất mạnh, phản ánh các DN tận dụng tối đa nguồn vốn của mình phục vụ cho kinh doanh, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, tốc độ tăng trưởng tín dụng năm 2005 giảm từ 3% đến 5% so với năm 2004. Việc giảm mức tăng trưởng tín dụng chủ yếu là từ 4 NHTM Nhà nước, ngân hàng cổ phần có mức tăng trưởng tín dụng nhanh hơn. Tuy nhiên, việc mở rộng hay thu hẹp tín dụng phụ thuộc vào hiệu quả sản xuất kinh doanh của các DN, tổ chức kinh tế. Hiện nay, thị trường tín dụng do vốn của các NHTM Nhà nước vẫn chiếm tỷ trọng lớn khoảng 71%, nên đã ảnh hưởng đến khối lượng vốn đầu tư tín dụng của toàn bộ nền kinh tế. Nguyên nhân chủ yếu là các NHTM Nhà nước cơ cấu lại năng lực tài chính, quan tâm nhiều hơn đến chất lượng tín dụng. Bên cạnh đó, NHNN đã chỉ đạo nâng cao chất

lượng tín dụng nhằm kiểm soát lạm phát mà không ảnh hưởng đến tăng trưởng kinh tế. Nhìn chung tốc độ tăng trưởng tín dụng là phù hợp với mục tiêu kiểm soát lạm phát và hỗ trợ tăng trưởng kinh tế.

Để giúp cho các TCTD xử lý nguồn vốn huy động chưa cho vay hết, NHNN đã tổ chức các phiên chợ giao dịch với các TCTD đó là thị trường mở, một công cụ “bơm” tiền ra lưu thông và rút tiền từ lưu thông về góp phần quan trọng vào việc điều hòa vốn của các NHTM, Năm 2005 với 129 phiên giao dịch đấu thầu trái phiếu kho bạc Nhà nước với số vốn thu hút được hàng tỷ đồng.

Như vậy, cơ chế tín dụng thay đổi đã tạo ra sự bình đẳng giữa người đi vay và người cho vay, khoảng cách giữa ngân hàng và khách hàng ngày càng “xích” lại gần nhau hơn, các ngân hàng tìm đến khách hàng, vì lợi ích của khách hàng. Nhiều DN vay vốn ở các NHTM với khối lượng lớn nhưng trả nợ rất sòng phẳng, vốn quay vòng nhanh, DN “nuôi” ngân hàng và ngân hàng giúp cho DN tạo ra lợi nhuận trong kinh doanh. Đây cũng là diễn biến của quá trình tuần hoàn chu chuyển vốn hàng hóa - Tiền tệ trong quá trình phục vụ tái sản xuất mở rộng của nền kinh tế. Nếu chính sách tín dụng thắt chặt thì chẳng những DN khó hấp thụ được vốn mà tốc độ vòng quay vốn trong các ngân hàng bị chậm lại, vốn ứ đọng dư thừa trong khi đó nguồn vốn huy động của ngân hàng vẫn phải trả lãi cho người gửi tiền, vậy xử lý vấn đề này ra sao đây là bài toán khó? Nếu

ngân hàng mở rộng tín dụng, hạ thấp các điều kiện cho vay, lãi suất cho vay thì tiền tệ đưa ra lưu thông nhiều hơn là một trong những nguyên nhân không những gây khó khăn cho công tác quản lý mà còn gây nên lạm phát đối với nền kinh tế.

Chúng ta đều biết rằng, tiền tệ đưa vào lưu thông chủ yếu qua hai con đường là Ngân sách Nhà nước và tín dụng ngân hàng, với đặc điểm của Ngân sách Nhà nước là cấp phát không hoàn trả nên việc phát hành đưa tiền vào lưu thông qua con đường tín dụng là hiệu quả nhất. Tuy nhiên, thông qua quan hệ tín dụng cũng còn có những rủi ro, cá biệt có những nơi còn có biểu hiện tiêu cực, cán bộ tín dụng còn lợi dụng thông đồng, vay ké với khách hàng hoặc ở thị trường nông thôn do chưa có nhiều TCTD hoạt động nên tính cạnh tranh chưa cao đã phát sinh tiêu cực đối với người đi vay. Đối với doanh nghiệp nhà nước hiệu quả đầu tư ở một số DN còn thấp, khó có khả năng thu hồi như cho vay ngành mía đường, cà phê. Riêng các DN mía đường, ngân hàng nông nghiệp Việt Nam đã huy động vốn trong và ngoài nước để cho vay, bảo lãnh mua thiết bị, đầu tư xây dựng cho 25 nhà máy, công ty đường đến nay còn dư nợ 2400 tỷ đồng, nợ lãi và phí bảo lãnh chưa trả gần 900 tỷ đồng (Thời Báo Ngân hàng số 32 ngày 14/3/2006) đây là khoản nợ còn tồn đọng khá lớn.

Trong thời gian tới, với phương châm vừa ổn định giá trị đồng tiền, vừa thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và kiềm chế lạm phát, tín dụng ngân hàng cần tập

trung đầu tư vốn vào các thành phần kinh tế, nhiều chủ sở hữu khác nhau để thúc đẩy mở rộng sản xuất hàng hóa. Đẩy mạnh huy động vốn từ thị trường trong nước, tập trung đáp ứng các nhu cầu vốn cho các dự án, tạo mọi điều kiện để các TCTD hội nhập kinh tế quốc tế.

● *Trước hết là*, Đối với các DN Nhà nước cần tiếp tục tháo gỡ khó khăn, xử lý nợ tồn đọng làm lành mạnh hóa tình hình tài chính DN, để tiến hành cổ phần hóa theo lộ trình đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Tín dụng phải hướng vào các giải pháp nhằm tăng cường năng lực và nâng cao khả năng cạnh tranh của các DN, trợ giúp các DN vừa và nhỏ, công khai các quy trình thủ tục hành chính, tiếp tục mở rộng các lĩnh vực đầu tư và đa dạng hóa các hình thức đầu tư nước ngoài phù hợp với luật đầu tư và lộ trình hội nhập kinh tế quốc tế.

● *Thứ hai là*, Đối với khu vực kinh tế, nông nghiệp, nông thôn cần tập trung đầu tư vốn vào các vùng có tỷ suất hàng hóa cao như vùng lúa Đồng Bằng Sông Hồng, Đồng Bằng Sông Cửu Long, vùng cây công nghiệp dài ngày và cây ăn quả như chè, cà phê ở Tây Nguyên và các tỉnh ở Trung du, miền núi phía Bắc để giúp các hộ nông dân, các DN nhanh chóng chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi theo mùa vụ. Thông qua đầu tư vốn cán bộ ngân hàng phải biết tư vấn, giúp đỡ các hộ nông dân mua sắm các máy móc, công cụ sản xuất, để chuyển từ lao động thủ công sang lao động cơ khí có năng suất, chất lượng và hiệu quả cao. Cần tổng kết đánh giá việc thực hiện

quyết định 67/QĐ/TTg ngày 30/3/1999 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách cho hộ nông dân vay vốn để trên cơ sở đó có những giải pháp hỗ trợ nông dân tiếp nhận được nhiều hơn các nguồn lực đầu tư tài chính của nhà nước. Cán bộ ngân hàng không chỉ phải biết các nghiệp vụ đơn thuần mà phải biết vận dụng đường lối chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước đối với kinh tế hộ nông dân. Nâng cao chất lượng công tác dự báo thị trường giá cả, thúc đẩy mạnh mẽ xúc tiến thương mại đối với mặt hàng nông lâm thủy sản, tiếp tục đầu tư cho vay vốn để triển khai chính sách tiêu thụ nông sản thông qua hợp đồng nhằm liên kết nông dân với các nhà khoa học và TCTD trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.

● *Thứ ba là*, tăng cường năng lực hoạt động của ngân hàng chính sách xã hội, mà trước hết là cấp đủ vốn điều lệ. Trên cơ sở đó, nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn vốn ưu đãi của nhà nước đối với hệ thống ngân hàng chính sách xã hội để phục vụ cho chương trình mục tiêu quốc gia xóa đói giảm nghèo, góp phần thu hẹp khoảng cách giàu nghèo giữa thành thị và nông thôn.

● *Thứ tư là*, tiếp tục hoàn thiện môi trường pháp lý, tạo điều kiện cho các NHTM và TCTD hoạt động thông thoáng, tạo ra sự cạnh tranh lành mạnh về huy động vốn, cho vay và dịch vụ ngân hàng ở khu vực thành thị cũng như ở nông thôn để tạo điều kiện cho các DN, hộ kinh doanh tiếp cận được nguồn vốn tín dụng được nhiều hơn ■